

PHỤ LỤC 1
BẢNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ PAPI NĂM 2022 CỦA TỈNH
VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THEO ĐÔI KHẮC PHỤC CÁC CHỈ SỐ

Chỉ số	Nội dung	2021		2022			Trách nhiệm theo dõi và khắc phục
		Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Trung vị	
1.	Tỷ lệ người trả lời đã tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân lần gần đây nhất (%)	79,8%	6	62,3%	32	61,8%	UBMTTQVN phường, UBND phường
2.	Tỷ lệ người trả lời đã tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội lần gần đây nhất (%)	73,5%	10	59,0%	36	58,8%	UBMTTQVN phường, UBND phường
3.	Tỷ lệ người trả lời trực tiếp bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố (%)	60,0%	45	65,7%	30	66,3%	UBND phường
4.	Tỷ lệ người trả lời cho biết KHÔNG phải chờ đợi quá lâu mới lấy được thông tin từ chính quyền địa phương (%)	100,0%	1	99,2%	55	99,7%	UBND phường
5.	Tỷ lệ người trả lời cho biết đã từng đọc bảng kê thu chi ngân sách (%)	36,1%	7	23,8%	31	25,3%	UBND phường
6.	Tỷ lệ người trả lời cho biết chính quyền địa phương đã tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (%)	94,2%	31	93,9%	32	90,6%	UBND phường
7.	Tỷ lệ người trả lời cho biết hộ gia đình không bị thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gần đây (%)	85,0%	29	66,2%	55	80,1%	UBND phường
8.	Tỷ lệ người trả lời cho biết hộ gia đình bị thu hồi đất được đền bù với giá xấp xỉ giá thị trường (%)	50,3%	9	26,8%	36	32,0%	UBND phường
9.	Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ với trưởng thôn/tổ trưởng TDP để giải quyết khúc mắc (%)	43,3%	3	25,8%	32	26,7%	UBND phường
10.	Tỷ lệ người trả lời cho biết cuộc gặp với trưởng thôn/tổ trưởng TDP để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt (%)	95,7%	13	89,7%	48	92,2%	UBND phường
11.	Tỷ lệ người trả lời cho biết cuộc gặp với cán bộ UBND xã/phường để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt (%)	95,2%	15	90,0%	34	90,3%	UBND phường
12.	Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền cho cán bộ khi làm chứng thực, xác nhận (%)	43,8%	2	28,7%	28	28,1%	UBND phường
13.	Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền khi làm thủ tục hành chính ở Ủy ban Nhân dân cấp xã (%)	34,2%	2	19,0%	46	22,3%	UBND phường
14.	Tỷ lệ người dân cho biết KHÔNG bị vòi vĩnh đòi hối lộ trong 12 tháng vừa qua (%)	96,0%	17	96,7%	28	96,8%	UBND phường

Chỉ số	Nội dung	2021		2022			Trách nhiệm theo dõi và khắc phục
		Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Trung vị	
15.	Tỷ lệ người dân cho biết hộ gia đình đã xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (%)	12,3%	37	12,4%	31	12,8%	UBND phường
16.	Tỷ lệ người đi làm thủ tục cho biết không phải đi qua nhiều 'cửa' để làm xong các thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (%)	92,3%	4	74,1%	52	81,7%	UBND phường
17.	Tổng chất lượng dịch vụ hành chính về thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (4 tiêu chí)	93,8%	5	86,3%	29	84,4%	UBND phường
18.	Tỷ lệ người dân cho biết hộ gia đình/bán thân đã làm thủ tục hành chính ở UBND xã/phường/thị trấn (%)	40,9%	2	23,9%	32	25,0%	UBND phường
19.	Tỷ lệ người đi làm thủ tục cho biết không phải đi qua nhiều 'cửa' để làm xong thủ tục (%)	98,8%	5	95,6%	29	95,3%	UBND phường
20.	Tổng chất lượng dịch vụ hành chính của UBND xã/phường	90,0%	19	86,1%	32	86,3%	UBND phường
21.	Mức độ hài lòng với dịch vụ nhận được	86,0%	19	81,3%	42	83,1%	UBND phường
22.	Tỷ lệ người được hỏi có bảo hiểm y tế (%)	96,3%	6	91,6%	27	90,6%	UBND phường
23.	Tỷ lệ người được hỏi cho biết có thay đổi về mức độ an ninh theo hướng tốt lên sau 3 năm (%)	23,6%	3	11,5%	34	13,1%	UBND phường
24.	Tỷ lệ người được hỏi cho biết là nạn nhân của một trong 4 loại tội phạm về an ninh, trật tự (%)	243,1%	54	265,6%	55	678,0%	UBND phường
25.	Tỷ lệ người trả lời cho biết không phải đeo khẩu trang để tránh ô nhiễm không khí khi đi lại ở địa bàn nơi cư trú (%)	32,6%	4	20,6%	29	21,1%	UBND phường
26.	Tỷ lệ người trả lời cho biết đã sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến ở địa phương khi làm thủ tục hành chính do cấp xã/phường thực hiện (%)	6,8%	1	1,0%	55	2,6%	UBND phường

PHỤ LỤC 2
MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Hình thức công khai	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Công khai những nội dung sau:					Thời gian niêm yết thông tin ít nhất là 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết
	- Kế hoạch phát triển KT-XH năm sau và kết quả thực hiện năm trước liền kề	Sau khi ban hành KH phát triển KT-XH địa phương	UBND phường	- Trang TTĐT cấp; - Tại trụ sở; - Hệ thống truyền thanh của;	Đầu năm (chậm nhất 5 ngày làm việc sau khi có Kế hoạch)	
	- Dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định	Sau khi được HĐND cấp xã quyết định	HĐND phường	- Nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở tổ dân phố; - Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND với Nhân dân;	Đầu năm (chậm nhất 5 ngày làm việc sau khi có Quyết định)	
	- Tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã định kỳ		UBND phường	- Tiếp công dân, tiếp xúc cử tri.	Quý, 6 tháng, cuối năm	
	- Kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do cấp xã quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã; quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xây dựng xã và điểm dân cư nông thôn; quy hoạch chung được lập cho thị trấn, đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được lập cho các khu vực thuộc phạm vi thị trấn		UBND phường		Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định của cơ quan có thẩm quyền	
	- Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã		UBND phường	Trụ sở UBND	Thường xuyên	
	- Quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với địa bàn cấp xã; các khoản huy động Nhân dân đóng góp		UBND phường	- Trang TTĐT; - Tại trụ sở; - Hệ thống truyền	Thường xuyên	

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Hình thức công khai	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	- Chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế		UBND phường	thanh; - Nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở tổ dân phố;		
	- Việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn.		UBND phường	- Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND với Nhân dân;		
	- Kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trưởng ban của HĐND, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND		UBND phường	- Tiếp công dân, tiếp xúc cử tri.		
	- Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác phường trực tiếp thu		UBND phường			
2	Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND với Nhân dân: Hàng năm, UBND phường phối hợp với UBMTTQVN phường tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân trên địa bàn về tình hình hoạt động của UBND và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương	Ít nhất 01 hội nghị/năm	UBND– UBMTTQVN phường			Nội dung, cách thức tổ chức hội nghị theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương
3	Tiếp công dân định kỳ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường tiếp công dân tại trụ sở UBND phường ít nhất 01 ngày trong 01 tuần	01 ngày/tuần	Chủ tịch UBND phường			Luật Tiếp công dân
4	Tuyên truyền cho người dân về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân phường					
	Số lượng, tên thành viên Ban Thanh tra nhân dân					
	Nhiệm vụ, quyền hạn Ban Thanh tra nhân dân: Theo Điều 38, Luật Dân chủ cơ sở					
	Phương hướng, nội dung kế hoạch hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân	Quý, 6 tháng, năm	UBMTTQVN, TB Thanh tra nhân dân phường			
	Công nhận kết quả bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân; bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và		UBMTTQVN phường			

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Hình thức công khai	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.					
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân	Sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của UBNDTQVN cấp xã, do ngân sách nhà nước bảo đảm	UBNDTQVN phường			
	UBND phối hợp với UBNDTQVN phường công khai danh sách Ban Thanh tra nhân dân để nhân dân biết			Trụ sở UBND, nhà văn hóa cộng đồng		
5	Tuyên truyền cho người dân về hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng					
	Tổ chức: Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được UBNDTQ phường quyết định thành lập theo từng chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) triển khai trên địa bàn cấp xã, chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho phường. Có ít nhất là 05 thành viên, gồm đại diện UBNDTQ phường, Ban Thanh tra nhân dân phường và đại diện người dân trên địa bàn tổ dân phố nơi có chương trình, dự án.		UBNDTQVN phường		Khi có chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư thì phải thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	
	Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng: Theo Điều 43 Luật Dân chủ cơ sở.		UBNDTQVN phường			
	Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng: Do UBNDTQ phường chủ trì việc thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án. Ban Thường trực UBNDTQVN phường quyết định số lượng thành viên; cử đại diện tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.		UBNDTQVN phường			

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Hình thức công khai	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của UBMTTQVN phường, do ngân sách nhà nước cấp xã bảo đảm	UBMTTQVN phường			
	UBND phường phối hợp với UBMTTQVN phường công khai danh sách Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tại các tổ có thành lập			Nhà văn hóa cộng đồng tổ		
6	Tuyên truyền cho người dân về bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố					Theo NQLT 09/2008/NQLT - CP-UBTWMTTQVN; 04/2012/TT-BNV; 14/2018/TT-BNV.
	UBND phường chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN phường xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử, tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố theo quy định tại Thông tư 14/2018/TT-BNV của Bộ Nội vụ.					
	UBND phường phối hợp với UBMTTQVN phường tuyên truyền người dân một số nội dung liên quan đến bầu Tổ trưởng Tổ dân phố như sau: - Tổ trưởng tổ dân phố được nhân dân trong tổ dân phố bầu thông qua hội nghị bầu cử Tổ trưởng tổ dân phố. - Hình thức bầu cử: giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. - Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 2,5 năm; - Sau khi UBND phường ra quyết định công nhận					

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Hình thức công khai	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	người trúng cử Tổ trưởng tổ dân phố thì phải công khai tại Trụ sở và nhà văn hóa cộng đồng để nhân dân biết.					
7	<p>Tuyên truyền cho người dân các nội dung Nhân dân bàn và quyết định, công khai để người dân biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn phường, ở tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức. - Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác. - Bầu, cho thôi làm Tổ trưởng tổ dân phố. - Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. 		UBND, UBMTTQVN phường			
8	Tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về cải cách thủ tục hành chính		UBND phường			
	- Công khai TTHC kịp thời, đầy đủ tại Bộ phận một cửa và Trang TTĐT phường (<i>có giải pháp xây dựng mã QR để thuận tiện trong việc tra cứu TTHC, nhất là đối với các TTHC người dân thường xuyên giao dịch</i>)				Sau khi UBND tỉnh công bố TTHC	
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND phường tiếp nhận trong năm giải quyết đúng hạn.	$\geq 95\%$				
	- Thực hiện nghiêm túc việc xin lỗi người dân khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết TTHC	100% hồ sơ trễ hẹn phải xin lỗi			Khi có hồ sơ trễ hẹn	
	- Thực hiện điều tra, khảo sát đánh giá sự hài lòng của người dân về chất lượng giải quyết TTHC	Hài lòng $>90\%$			Thường xuyên	

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Hình thức công khai	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	- Xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân đối với TTHC	100% PAKN của người dân phải được xử lý kịp thời			Sau khi người dân có PAKN phải giải quyết	
	Các giải pháp nâng cao tỷ lệ hồ sơ TTHC trực tuyến: - Bố trí trang thiết bị phục vụ người dân tra cứu TTHC, tạo tài khoản dịch vụ công trực tuyến. - Bố trí người hướng dẫn người dân tạo tài khoản DVC trực tuyến và nộp hồ sơ trực tuyến.	>30% tổng số hồ sơ				
	UBND cấp xã cần quán triệt công chức tại Bộ phận một cửa cấp xã phải: - Có thái độ giao tiếp lịch sự, tôn trọng đối với người dân; - Cung cấp thông tin, trả lời kịp thời, đầy đủ các câu hỏi, ý kiến của người dân; - Hướng dẫn hồ sơ dễ hiểu, đảm bảo người dân có thể hoàn thiện hồ sơ sau một lần hướng dẫn; - Tuân thủ đúng quy định trong giải quyết công việc cho người dân; - Tận tình đối với người dân trong quá trình giải quyết công việc.					
9	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ủy, HĐND, UBNDTTQVN phường trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông của UBND phường	01 cuộc kiểm tra hoặc giám sát/năm	Đảng ủy, HĐND, UBNDTTQVN phường		Theo kế hoạch kiểm tra, giám sát	
10	Tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND phường: Đại biểu HĐND phường được bầu cử tại tổ dân phố được chọn để điều tra PAPI, tập trung tiếp xúc cử tri và báo cáo, thông tin các nội dung liên quan tại Hướng dẫn này để người dân biết và nắm được thông tin.	Ít nhất 1 lần/năm Sau mỗi kỳ họp HĐND, đại biểu HĐND có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp	Đại biểu HĐND phường			

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Hình thức công khai	Thời gian thực hiện	Ghi chú
11	<p>Tuyên truyền cho người dân biết về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP: Theo đó, hiện nay tại Việt Nam trong giai đoạn 2022 - 2025 thì tiêu chí đo lường nghèo đa chiều là:</p> <p>(1) Tiêu chí thu nhập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng. - Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng. <p>(2) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin. - Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin. <p>Hiện nay, Dịch vụ xã hội cơ bản, chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản và ngưỡng thiếu hụt quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:</p> <p>(1) Việc làm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc làm <p>Hộ gia đình có ít nhất một người không có việc làm (người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, sẵn sàng/mong muốn làm việc nhưng không tìm được việc làm); hoặc có việc làm công ăn lương nhưng không có hợp đồng lao động</p> <p>(*) Xem xét cho việc làm thường xuyên, đều đặn, mang tính chất ổn định hoặc tương đối ổn định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người phụ thuộc trong hộ gia đình <p>Hộ gia đình có tỷ lệ người phụ thuộc trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50%. Người phụ thuộc bao gồm: trẻ em dưới 16 tuổi; người cao tuổi hoặc người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.</p> <p>(2) Về Y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dinh dưỡng <p>Hộ gia đình có ít nhất một trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo hiểm y tế <p>Hộ gia đình có ít nhất một người từ đủ 6 tuổi trở lên hiện không có bảo hiểm y tế.</p> <p>(3) Về Giáo dục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ giáo dục của người lớn <p>Hộ gia đình có ít nhất một người trong độ tuổi từ 16 tuổi đến 30 tuổi không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng</p> <p>[Người từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đang học hoặc đã tốt nghiệp trung học cơ sở; từ 18 tuổi đến 30 tuổi đang học hoặc đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc sơ cấp/trung cấp/cao đẳng nghề; hoặc người từ 16 tuổi đến 30 tuổi được doanh nghiệp tuyển dụng và chứng nhận đào tạo nghề tại chỗ (hình thức vừa học vừa làm)].</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình trạng đi học của trẻ em <p>Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi (trẻ từ 3 tuổi đến dưới 6 tuổi được tiếp cận giáo</p>					

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Hình thức công khai	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	<p>đục mầm non, trẻ từ 6 tuổi đến dưới 12 tuổi được tiếp cận giáo dục tiểu học và trẻ từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi được tiếp cận giáo dục trung học cơ sở).</p> <p>(4) Về Nhà ở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng nhà ở <p>Hộ gia đình đang sống trong ngôi nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc (trong ba kết cấu chính là tường, cột, mái thì có ít nhất hai kết cấu được làm bằng vật liệu không bền chắc).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích nhà ở bình quân đầu người <p>Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ gia đình nhỏ hơn 8m².</p> <p>(5) Về Nước sinh hoạt và vệ sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước sinh hoạt <p>Hộ gia đình không tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt (gồm: nước máy, giếng khoan, giếng đào được bảo vệ, nước khe/mỏ được bảo vệ và nước mưa, nước đóng chai bình).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà tiêu hợp vệ sinh <p>Hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh (gồm: tự hoại/bán tự hoại, thấm dột nước (Suilabh), cải tiến có ống thông hơi (VIP), hố xí đào có bệ ngồi, hai ngăn).</p> <p>(6) Về Thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng dịch vụ viễn thông <p>Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng dịch vụ internet.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin <p>Hộ gia đình không có phương tiện nào trong số các phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phương tiện dùng chung: Tivi, radio, máy tính để bàn, điện thoại; + Phương tiện cá nhân: Máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh. 					
12	<p>UBND cấp xã duy trì nghiêm túc, đều đặn chế độ họp dân ở khu dân cư theo quy định; trong đó, thường xuyên đưa các nội dung tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước để người dân nắm bắt cụ thể, kịp thời.</p>	<p>Tập trung tại các tổ dân phố có điều tra</p>	<p>UBND phường</p>		<p>Thường xuyên</p>	

PHỤ LỤC 3
MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan/người chủ trì	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Tổ chức Hội nghị cộng đồng dân cư đảm bảo số lượng và nội dung theo Luật thực hiện dân chủ cơ sở năm 2022.	1 lần/năm (vào cuối năm); khi cần có thể họp bất thường	Tổ trưởng	Cuối năm	
2	UBND phường cung cấp thông tin để Tổ trưởng công khai cho nhân dân về: - Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn phường và tiến độ thực hiện; - Kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn phường; - Kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do phường quản lý; - Kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp; quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị... để Tổ trưởng thông báo công khai cho Nhân dân tại cuộc họp của cộng đồng dân cư và thông qua các ứng dụng mạng xã hội.	100% các thông tin liên quan phải được thông báo công khai cho người dân biết	UBND phường; Tổ trưởng Tổ dân phố	Thường xuyên (sau khi có quyết định, văn bản liên quan)	
3	Tổ trưởng công bố, công khai danh sách Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng tại các Hội nghị cộng đồng dân cư và thông qua các ứng dụng mạng xã hội để người dân biết.		Tổ trưởng Tổ dân phố		